

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Hà Nội - Tháng 02 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam theo Quyết định số 248/QĐ/BXD ngày 07/02/2007 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017088 ngày 04/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ sáu (06) với mã số doanh nghiệp 0100106183 ngày 23/5/2016 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VCC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 (sáu) là 18.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 8-11, tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã CCV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Nhật Minh	Chủ tịch
	Ông Trần Huy Ánh	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên
	Ông Nguyễn Huy Khanh	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thăng	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Khánh Giang	Trưởng ban
	Ông Dương Thế Lập	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hải Đường	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Huy Ánh	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thăng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phùng Tiến Trung	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Lãnh đạo Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện doanh nghiệp,



Trần Huy Ánh

Trần Huy Ánh

Đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Số: 96/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020

của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam

Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, được lập ngày 28/02/2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng .

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Giám đốc Kiểm toán**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 18/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 01/9/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		233.848.365.511	230.578.866.270
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.937.064.024	22.946.504.361
1. Tiền	111		17.937.064.024	12.446.504.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	29.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	30.000.000.000	29.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.937.965.296	61.461.174.230
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	44.886.767.130	52.411.419.121
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		80.250.000	80.250.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.483.763.016	9.597.840.726
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(512.814.850)	(628.335.617)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	120.085.305.824	115.119.234.709
1. Hàng tồn kho	141		120.085.305.824	115.119.234.709
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.888.030.367	1.551.952.970
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.887.146.566	1.551.273.639
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	883.801	679.331
B - TÀI SẢN DÀI HẠN 200=(210+220+240+250+260)	200		9.043.974.531	8.441.340.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		807.397.130	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	807.397.130	-
II. Tài sản cố định	220		4.095.215.706	3.748.613.700
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	4.095.215.706	3.748.613.700
- Nguyên giá	222		21.686.079.938	20.763.587.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.590.864.232)	(17.014.973.706)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		1.691.436.200	1.691.436.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.691.436.200)	(1.691.436.200)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.229.253.369	1.824.255.169
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.229.253.369	1.824.255.169
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	2.813.066.108	2.813.066.108
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.043.066.108	1.043.066.108
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.230.000.000)	(1.230.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		99.042.218	55.405.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	99.042.218	55.405.855
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		242.892.340.042	239.020.207.102

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		200.675.011.718	196.319.619.331
I. Nợ ngắn hạn	310		199.568.415.520	195.512.632.967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.373.671.500	3.339.329.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	51.329.122.063	65.111.592.588
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.284.306.539	1.946.995.299
4. Phải trả người lao động	314		1.540.318.628	3.315.367.350
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	139.724.441.316	122.516.572.678
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	113.823.642
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.15	2.316.555.474	(831.047.628)
II. Nợ dài hạn	330		1.106.596.198	806.986.364
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.106.596.198	806.986.364
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.217.328.324	42.700.587.771
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	42.183.177.756	42.666.437.203
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.439.954.850	9.786.340.789
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.807.815.190	1.807.815.190
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.935.407.716	13.072.281.224
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.935.407.716	13.072.281.224
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.150.568	34.150.568
1. Nguồn kinh phí	432		34.150.568	34.150.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		242.892.340.042	239.020.207.102
(440 = 300+400)				

Người lập



Liễu Bích Liên

Phụ trách kế toán



Liễu Bích Liên

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021
Đại diện theo Pháp luật



Trần Huy Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	151.666.686.330	164.135.764.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	556.690.141	6.754.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	151.109.996.189	164.129.009.630
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	120.161.425.695	130.780.452.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		30.948.570.494	33.348.557.519
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.132.001.955	3.825.582.510
7. Chi phí tài chính	22	5.20	136.845.632	57.627.259
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	19.082.968.495	20.464.084.046
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		13.860.758.322	16.652.428.724
11. Thu nhập khác	31	5.22	114.200.550	1.369
12. Chi phí khác	32	5.22	38.516.607	190.329.429
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	75.683.943	(190.328.060)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		13.936.442.265	16.462.100.664
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	2.001.034.549	3.389.819.440
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.935.407.716	13.072.281.224

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Người lập



Liễu Bích Liên

Phụ trách kế toán



Liễu Bích Liên

Đại diện theo Pháp luật



Trần Huy Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.936.442.265	16.462.100.664
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	575.890.526	545.219.238
- Các khoản dự phòng	03	(229.344.409)	262.483.311
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	37.456.136	57.627.259
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.130.152.565)	(3.825.582.510)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.190.291.953	13.501.847.962
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.831.128.101	(10.777.759.639)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.966.071.115)	(26.100.021.856)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.171.929.465	32.277.778.560
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(379.509.290)	65.763.566
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.900.000.000)	(5.620.011.989)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.388.664.061)	(3.798.456.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.559.105.053	(450.859.396)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(327.490.732)	(721.644.833)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.130.152.565	3.825.582.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.302.661.833	4.603.937.677
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.833.751.087)	(4.678.363.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.833.751.087)	(4.678.363.923)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	5.028.015.799	(525.285.642)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.946.504.361	23.529.417.262
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(37.456.136)	(57.627.259)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	27.937.064.024	22.946.504.361

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021

Người lập



Liễu Bích Liên

Phụ trách kế toán



Liễu Bích Liên

Đại diện theo Pháp luật




Trần Huy Ánh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam theo Quyết định số 248/QĐ/BXD ngày 07/02/2007 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017088 ngày 04/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ sáu (06) với mã số doanh nghiệp 0100106183 ngày 23/5/2016 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VCC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 (sáu) là 18.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng*).

Sở hữu vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	918.000	9.180.000.000	51%
Các Cổ đông khác	882.000	8.820.000.000	49%
Tổng	1.800.000	18.000.000.000	100%

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã CCV.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 8-11, tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lao động tại ngày 31/12/2020 là 278 người (tại ngày 31/12/2019 là 292 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000; Thiết kế, thi công nội, ngoại thất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn, thiết kế hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; khai thác nước ngầm và xử lý chất thải rắn; Tư vấn, thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; Đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo độ lún; đo độ nghiêng; đo độ chuyển dịch và định vị công trình; Khảo sát địa chất công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ; Thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, khu đô thị, khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và điểm dân cư nông thôn; Thiết kế hệ thống mạng thông tin - liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Giám sát xây dựng và hoàn thiện; loại công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng về thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Thiết kế phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp; đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình xây dựng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Thí nghiệm xác định chỉ tiêu kỹ thuật của đất, đá, nền móng công trình xây dựng; kiểm định các cấu kiện xây dựng và chất lượng công trình; Xác định hiện trạng; đánh giá nguyên nhân sự cố và giải pháp xử lý công trình; Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bồi dưỡng và tập huấn về công tác tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ dịch thuật; Tư vấn về kinh tế xây dựng cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn xin giấy phép đầu tư dự án, thành lập doanh nghiệp; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Kinh doanh và chuyển giao công nghệ xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xử lý nền móng các loại công trình; Lập, thẩm tra tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu, cảng, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị, hàng không và thông tin liên lạc; Lập, thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; Tổng thầu tư vấn các dự án có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài tại Việt Nam;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp và vệ sinh môi trường;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn thiết kế xây dựng.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có Công ty con, và các Đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng VCC Việt Nam	Tư vấn thiết kế xây dựng	67%	67%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng VCC Hà Nội	Tư vấn thiết kế xây dựng	75%	75%

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc như sau:

- Trung tâm Tư vấn quản lý dự án và Giám sát xây dựng;
- Trung tâm Kiến trúc 1;
- Trung tâm Kết cấu 1;
- Trung tâm Kết cấu 2;
- Trung tâm Dự án đầu tư;
- Trung tâm Tư vấn các dự án quốc tế;
- Trung tâm Tư vấn xây dựng dân dụng và Đô thị;
- Trung tâm tư vấn Xây dựng Công nghệ và Môi trường;
- Trung tâm Công nghệ mới và Kiến trúc sáng tạo;
- Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty tại Tp Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Hạ tầng kỹ thuật;
- Trung tâm hạ tầng kỹ thuật Cơ điện 2;
- Trung tâm Tư vấn Quản lý dự án giám sát khảo sát và Kiểm định xây dựng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty Con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty Con và Công ty đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm tin học và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 6 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước khoản tương ứng với giá trị hợp đồng cung cấp dịch vụ nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản giá trị quyết toán công trình cắt giảm theo quyết toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban lãnh đạo Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kê cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, nhân sự chủ chốt của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Tư vấn thiết kế xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	82.156.704	402.229.700
Tiền gửi ngân hàng (*)	17.854.907.320	12.044.274.661
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	10.000.000.000	10.500.000.000
Tổng	27.937.064.024	22.946.504.361

(*) Tiền gửi ngân hàng có gốc nguyên tệ USD tại ngày 31/12/2020 là 316.925,62 USD.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	29.500.000.000	29.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	30.000.000.000	30.000.000.000	29.500.000.000	29.500.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	30.000.000.000	30.000.000.000	29.500.000.000	29.500.000.000

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Đầu tư Đô thị và Khu Công Nghiệp Sông Đà 7	32.411.446	3.086.063.131
Ban QLDA các công trình Bưu điện - Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	4.388.354.452	2.373.502.750
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	3.166.649.601	3.166.649.601
Công ty TNHH FLC Đồ Sơn GOLF & RESORT	4.500.000.000	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	625.070.261	995.414.390
Công ty TNHH sản xuất và Kinh doanh Vinfast	-	2.149.600.000
Liên danh Công ty TNHH Tập đoàn Quang Giáp và Công ty TNHH Đức Dương	-	2.927.295.520
Các đối tượng khác	32.174.281.370	33.212.893.729
Tổng	44.886.767.130	52.411.419.121

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	9.483.763.016	-	9.597.840.726	-
- Ký cược, ký quỹ	11.200.000	-	11.200.000	-
- BHXH, BHYT nộp thừa	-	-	-	-
- Phải thu BHXH, BHYT	142.220.956	-	143.294.612	-
- Phải thu thuế TNCN	749.805.327	-	661.230.772	-
- Tạm ứng	4.684.463.946	-	4.596.444.679	-
- Phải thu khác	3.896.072.787	-	4.185.670.663	-
Dài hạn	807.397.130	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	807.397.130	-	-	-
Tổng	10.291.160.146	-	9.597.840.726	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	68.169.908	-	95.063.624	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	120.017.135.916	-	115.024.171.085	-
Tổng	120.085.305.824	-	115.119.234.709	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	1.887.146.566	1.551.273.639
Các chi phí khác chờ phân bổ	427.646.566	91.773.639
Chi phí tham quan, học tập	1.459.500.000	1.459.500.000
Dài hạn	99.042.218	55.405.855
Các chi phí khác chờ phân bổ	99.042.218	55.405.855
Tổng	1.986.188.784	1.606.679.494

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	15.348.735.286	1.784.564.211	3.630.287.909	20.763.587.406
Tăng trong năm	844.308.805	78.183.727	-	922.492.532
Mua trong năm	-	78.183.727	-	78.183.727
Xây dựng cơ bản hoàn	844.308.805	-	-	844.308.805
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	16.193.044.091	1.862.747.938	3.630.287.909	21.686.079.938
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	12.556.271.828	1.784.564.211	2.674.137.667	17.014.973.706
Tăng trong năm	103.907.780	13.030.622	458.952.124	575.890.526
Khấu hao trong năm	103.907.780	13.030.622	458.952.124	575.890.526
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	12.660.179.608	1.797.594.833	3.133.089.791	17.590.864.232
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2020	2.792.463.458	-	956.150.242	3.748.613.700
Tại 31/12/2020	3.532.864.483	65.153.105	497.198.118	4.095.215.706

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 3.102.079.807 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 3.102.079.807 đồng).

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	1.691.436.200	1.691.436.200
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	1.691.436.200	1.691.436.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	1.691.436.200	1.691.436.200
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	1.691.436.200	1.691.436.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	-	-
Tại 31/12/2020	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 1.691.436.200 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 1.691.436.200 đồng).

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng phần mềm	309.240.000	309.240.000
Chi phí sửa chữa cải tạo, thiết bị vệ sinh	-	844.308.805
Chi phí lắp đặt thiết bị cho hệ thống PCCC	920.013.369	670.706.364
Tổng	1.229.253.369	1.824.255.169

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2020		01/01/2020	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			1.043.066.108	-	1.043.066.108	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Việt Nam	67%	67%	863.066.108	-	863.066.108	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội	75%	75%	180.000.000	-	180.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			3.000.000.000	(1.230.000.000)	3.000.000.000	(1.230.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án Dầu khí PVE	5,20%	5,20%	3.000.000.000	(1.230.000.000)	3.000.000.000	(1.230.000.000)
Tổng			4.043.066.108	(*) (1.230.000.000)	4.043.066.108	(*) (1.230.000.000)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.373.671.500	1.373.671.500	3.339.329.038	3.339.329.038
CTCP Tư vấn XD Công Nghệ và Môi Trường VN	-	-	1.973.000.000	1.973.000.000
Các khoản phải trả khác	1.373.671.500	1.373.671.500	1.366.329.038	1.366.329.038
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.373.671.500	1.373.671.500	3.339.329.038	3.339.329.038

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Mặt trời Vân Đồn	-	345.600.000
Ban quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng - Tổng Công ty Viglacera - CTCP	613.600.000	664.200.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	-	3.478.181.064
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch cáp treo Fansipan SaPa	4.140.000.000	4.110.000.000
Công ty cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	922.500.000	1.845.000.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Mặt trời	1.671.000.000	3.070.000.000
CTCP công nghiệp chế tạo ô tô Hồng Đức	2.150.400.000	-
Liên danh ACCIONA VINCI	1.828.589.994	-
Các đối tượng khác	40.003.032.069	51.598.611.524
Tổng	51.329.122.063	65.111.592.588

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	1.946.995.299	15.620.079.787	14.282.768.547	3.284.306.539
Thuế giá trị gia tăng	565.252.509	11.863.993.757	10.421.404.503	2.007.841.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp	814.339.185	2.001.034.549	1.900.000.000	915.373.734
Thuế thu nhập cá nhân	567.403.605	1.419.836.156	1.626.148.719	361.091.042
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	305.855.493	305.855.493	-
Thuế môn bài và các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.359.832	24.359.832	-
Phải thu	679.331	-	204.470	883.801
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	204.470	204.470
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	679.331	-	-	679.331

5.14 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	139.724.441.316	122.516.572.678
Kinh phí công đoàn	801.294	2.355.020
Bảo hiểm xã hội	30.907.312	32.458.755
Bảo hiểm y tế	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.692.732.710	122.481.758.903
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>510.651.994</i>	<i>462.003.081</i>
<i>Các khoản phải trả khác (*)</i>	<i>139.182.080.716</i>	<i>122.019.755.822</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Dài hạn	-	-
Tổng	139.724.441.316	122.516.572.678

(*): Khoản phải trả khác là khoản phải trả cho các Trung tâm, Chi nhánh đã chi phí thực hiện các công trình của Công ty theo tỷ lệ giao khoán.

5.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số dư tại 01/01/2020	Trích trong năm	Chi trong năm	Số dư tại 31/12/2020
(831.047.628)	6.536.267.163	3.388.664.061	2.316.555.474



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	18.000.000.000	9.786.340.789	1.807.815.190	-	29.594.155.979
Lãi trong năm	-	-	-	13.072.281.224	13.072.281.224
Số dư tại 31/12/2019	18.000.000.000	9.786.340.789	1.807.815.190	13.072.281.224	42.666.437.203
Số dư tại 01/01/2020	18.000.000.000	9.786.340.789	1.807.815.190	13.072.281.224	42.666.437.203
Lãi trong năm	-	-	-	11.935.407.716	11.935.407.716
Trích lập Quỹ thường ban điều hành	-	-	-	(653.614.061)	(653.614.061)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.882.653.102)	(5.882.653.102)
Trích lập các Quỹ đầu tư phát triển	-	653.614.061	-	(653.614.061)	-
Chia trả cổ tức	-	-	-	(5.882.400.000)	(5.882.400.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	18.000.000.000	10.439.954.850	1.807.815.190	11.935.407.716	42.183.177.756

Theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/5/2020 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty. Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 như sau:

- + Chia cổ tức: 5.882.400.000 đồng
- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 653.614.061 đồng
- + Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 5.882.653.102 đồng
- + Trích Quỹ thường ban điều hành: 653.614.061 đồng

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTPC	9.180.000.000	9.180.000.000
Các Cổ đông khác	8.820.000.000	8.820.000.000
Tổng	18.000.000.000	18.000.000.000

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.536.014.061	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.666.686.330	164.135.764.175
Tổng	151.666.686.330	164.135.764.175
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	556.690.141	6.754.545
Tổng	556.690.141	6.754.545
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	151.109.996.189	164.129.009.630
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.109.996.189	164.129.009.630

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	120.161.425.695	130.780.452.111
Tổng	120.161.425.695	130.780.452.111

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.103.940.375	3.786.471.786
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.212.190	39.110.724
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.849.390	-
Tổng	2.132.001.955	3.825.582.510

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	99.389.496	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.456.136	57.627.259
Tổng	136.845.632	57.627.259

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý	19.082.968.495	20.464.084.046
Chi phí nhân viên quản lý	14.810.211.612	15.712.127.581
Chi phí vật liệu quản lý	213.840.538	149.700.415
Chi phí đồ dùng văn phòng	90.286.306	139.561.865
Chi phí khấu hao TSCĐ	488.208.790	528.140.477
Thuế phí và lệ phí	444.283.930	442.130.623
Chi phí dự phòng	-	628.335.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.795.632	1.297.715.291
Chi phí bằng tiền khác	2.107.862.454	1.932.224.483
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(115.520.767)	(365.852.306)
<i>Hoàn nhập dự phòng phải thu</i>	<i>(115.520.767)</i>	<i>(365.852.306)</i>
Tổng	19.082.968.495	20.464.084.046

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	113.823.642	-
Thu nhập khác	376.908	1.369
Tổng	114.200.550	1.369
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế	18.032.707	
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội		93.534
Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	18.375.000	190.235.895
Chi phí khác	2.108.900	-
Tổng	38.516.607	190.329.429
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	75.683.943	(190.328.060)

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.936.442.265	16.462.100.664
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	382.873.843	526.107.259
Các khoản phạt chậm nộp, truy thu thuế	38.297.707	
Lương thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành SXKD	307.120.000	468.480.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.456.136	57.627.259
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	26.212.190	39.110.724
Cổ tức nhận được	26.212.190	39.110.724
Thu nhập chịu thuế	14.293.103.918	16.949.097.199
Chi phí thuế TNDN tính trên Thu nhập chịu thuế	2.858.620.784	3.389.819.440
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020	857.586.235	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.001.034.549	3.389.819.440

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.958.740.123	53.131.928.351
Chi phí nhân công	58.506.502.796	75.251.214.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.890.526	545.219.238
Chi phí dự phòng	(115.520.767)	262.483.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.968.331.255	49.462.181.890
Chi phí khác bằng tiền	18.267.339.149	15.249.912.994
Tổng	127.161.283.082	193.902.940.603

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	4.398.982.878	3.693.088.177

Giao dịch với các bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng VCC Hà Nội	Công ty con	Cổ tức	23.330.486	37.425.600
		Thuê nhà và phí dịch vụ	45.591.033	50.756.563
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng VCC Việt Nam	Công ty con	Cổ tức	2.881.704	1.685.124
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Tư vấn thiết kế	-	71.404.545
		Cổ tức	3.000.024.000	2.403.324.000

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Liễu Bích Liên

Phụ trách kế toán

Liễu Bích Liên

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021
Đại diện theo pháp luật



Trần Huy Ánh